



FROM



# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



[AmbetterHealthofNewJersey.com](https://AmbetterHealthofNewJersey.com)

# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter Health of New Jersey, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA

**ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC**

Allergenic Extracts

GRASTEK SUBL	3	PA
--------------	---	----

**AMEBICIDES**

Amebicides

SOLOSEC	3	PA
---------	---	----

**AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections**

Aminoglycosides

<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
---	---	--

ARIKAYCE	4	PA
----------	---	----

<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
--	---	--

<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
--	---	--

<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
------------------------------	---	--

<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
----------------------------------	---	--

<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
---	---	--

<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
------------------------	---	--

**ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions**

Antirheumatic - Enzyme Inhibitors

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA			
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
<b>Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)</b>		
<i>celecoxib</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
<i>etodolac CAPS</i>	1	
<i>etodolac TABS</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>indomethacin CPR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen.; QL(5 ea daily); PA
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<b>Salicylates</b>			<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1	
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	QL(50 ml daily)
<i>salsalate</i>	1		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	QL(100 ml daily)
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1	
<b>Opioid Agonists</b>			<b>METHADONE HCL SOLN IJ</b>	1	
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(10 ea daily)
<b>CODEINE SULFATE TABS</b>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TBSO</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1		<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA			



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
<b>Opioid Combinations</b>					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<b>Opioid Partial Agonists</b>		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
<b>Anabolic Steroids</b>		
<i>oxandrolone</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Androgens</b>		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
<b>Intrarectal Steroids</b>		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<b>Rectal Steroids</b>		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
<b>Vasodilating Agents</b>		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
<b>Anthelmintics</b>		
<i>albendazole</i>	1	PA
<i>EMVERM CHEW</i>	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin</i>	1	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
<b>ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
<b>ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies</b>		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<b>Anti-Inflammatory Agents</b>		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ml daily)
<b>Bronchodilators - Anticholinergics</b>		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Leukotriene Modulators</b>		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
<b>Steroid Inhalants</b>		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUIITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDIHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<b>Sympathomimetics</b>		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1	QL(15 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA ( <i>fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1	QL(18 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1	
<i>levalbuterol hcl</i>	1	QL(12 ml daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 gm daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<b>Xanthines</b>		
<i>aminophylline SOLN</i>	1	
<i>theophylline ELIX</i>	1	
<i>theophylline SOLN</i>	1	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1	
<i>theophylline TB24</i>	1	
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
<b>Coumarin Anticoagulants</b>		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1	
<b>Direct Factor Xa Inhibitors</b>		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit)
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail)
FRAGMIN SOSY	4	PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
APTIOM	3	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1	
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 ea daily)
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ml daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1		<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1		<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1		<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1	
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>gabapentin CAPS</i>	1		TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ml daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1		<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>Carbamates</b>		
<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>GABA Modulators</b>		
<i>tiagabine hcl</i>	1	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); PA
<b>Hydantoins</b>		
<i>DILANTIN (phenytoin sodium extended)</i>	2	
<i>DILANTIN</i>	2	
<i>DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
<i>phenytoin CHEW</i>	1	
<i>phenytoin SUSP</i>	1	
<b>Succinimides</b>		
<i>CELONTIN (methsuximide)</i>	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ZARONTIN CAPS (ethosuximide)</i>	2	QL(6 ea daily)
<b>Valproic Acid</b>		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1	
<i>valproic acid CAPS</i>	1	
<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>		
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Antidepressants - Misc.</b>		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
<i>EMSAM</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>MARPLAN</i>	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1	
<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>		
<i>SPRAVATO 56MG DOSE</i>	4	PA
<i>SPRAVATO 84MG DOSE</i>	4	PA
<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)	<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<b>Serotonin Modulators</b>		
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1	
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1	
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1		<b>Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)</b>		
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1	
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
			<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Tricyclic Agents</b>			<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1		GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1		JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>imipramine hcl TABS</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1		SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>protriptyline hcl</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1		SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>			TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>			TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>acarbose</i>	1	QL(3 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>miglitol</i>	1	QL(3 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<b>Antidiabetic Combinations</b>			XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(1 ea daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA			
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)			
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)			
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)			
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(2 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<b>Biguanides</b>		
metformin hcl TABS 500 MG	1	QL(5 ea daily)
metformin hcl TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)
metformin hcl TABS 1000 MG	1	QL(2.5 ea daily)
metformin hcl TB24 750 MG	1	QL(3 ea daily)
metformin hcl TB24 500 MG	1	QL(4 ea daily)
<b>Diabetic Other</b>		
diazoxide	3	
glucagon (rdna)	1	QL(0.035 ea daily)
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>		
alogliptin benzoate	1	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
saxagliptin hcl	1	QL(1 ea daily)
<b>Incretin Mimetic Agents</b>		
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA (liraglutide)	2	QL(0.3 ml daily); PA
<b>Insulin</b>		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
<b>Insulin Sensitizing Agents</b>		
pioglitazone hcl	1	QL(1 ea daily)
<b>Meglitinide Analogues</b>		
nateglinide	1	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors</b>		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA ( <i>dapagliflozin propanediol</i> )	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
<b>Sulfonylureas</b>		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
<b>Antiperistaltic Agents</b>		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
<b>Antidotes - Chelating Agents</b>		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	1	PA
<i>deferasirox TBSO</i>	1	PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1	
<b>Antidotes and Specific Antagonists</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VISTOGARD	1	PA
<b>Opioid Antagonists</b>		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1	
<i>naltrexone hcl</i>	1	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
<b>5-HT3 Receptor Antagonists</b>		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1	PA
VARUBI TBPB	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>casprofungin acetate</i>	1	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
CLARITIN TABS ( <i>loratadine</i> )	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1	
<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>loratadine TBDP</i>	1	
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
ZYRTEC ALLERGY TABS ( <i>cetirizine hcl</i> )	1	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1	
<b>ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
Adenosine Triphosphate-Citrate Lyase (ACL) Inhibitors		
NEXLETOL	1	PA
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	1	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	1	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	1	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); PA
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1	
<i>guanfacine hcl</i>	1	
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	PA
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1		<b>Antihypertensives - Misc.</b>		
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1		VECAMYL	3	PA
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<b>Direct Renin Inhibitors</b>		
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1		<b>Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)</b>		
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>eplerenone</i>	1	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	PA	<b>Vasodilators</b>		
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1		<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 ea daily)	<b>Anti-infective Agents - Misc.</b>		
			<i>bacitracin</i>	3	
			IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1	
			<i>trimethoprim TABS</i>	1	
			XIFAXAN	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
			<b>Anti-infective Misc. - Combinations</b>		
			<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
			<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
<b>Antiprotozoal Agents</b>		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
<b>Carbapenems</b>		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
<b>Chloramphenicols</b>		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	PA
<b>Cyclic Lipopeptides</b>		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
<b>Glycopeptides</b>		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ml per fill retail)
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone</i>	1	
<b>Lincosamides</b>		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
<b>Monobactams</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	<i>methotrexate sodium</i> TABS 2.5 MG	1	
GLEOSTINE 10 MG	4	PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide</i> SOLN 1 GM/20ML	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium</i> SOLR 500 MG	4	PA
<i>ifosfamide</i> SOLR	4	PA	<i>pralatrexate</i> 20 MG/ML	4	PA
LEUKERAN	4	PA	TABLOID	4	PA
<i>melphalan</i>	1		TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	PA
<i>melphalan hcl</i> IV	1		<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
MYLERAN TABS	4	PA	INLYTA	4	QL(2 ea daily); PA
<i>oxaliplatin</i> SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	4	PA	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4	PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>temozolomide</i> CAPS	4	PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>thiotepa</i> 15 MG	4	PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
ZANOSAR	4	PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Antimetabolites</b>			LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>azacitidine</i> SUSR	4	PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>capecitabine</i>	4	PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	PA	MVASI	4	PA
<i>cytarabine</i> SOLN	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	PA
<i>decitabine</i>	4	PA	ZIRABEV	4	PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Antibodies</b>		
<i>fludarabine phosphate</i> SOLN	4	SP; PA	ADCETRIS	4	PA
<i>fludarabine phosphate</i> SOLR	4	PA	ARZERRA	4	PA
<i>fluorouracil</i> 500 MG/10ML	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>gemcitabine hcl</i> SOLR 200 MG	4	PA	TRUXIMA	4	PA
<i>gemcitabine hcl</i> SOLR 2 GM	4	SP; PA	YERVOY	4	PA
<i>mercaptopurine</i> TABS	1		<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
<i>methotrexate sodium</i> SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	1		KANJINTI	4	PA
<i>methotrexate sodium</i> SOLR	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OGIVRI	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
PERJETA	4	PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily)
TRAZIMERA	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); PA
TUKYSA	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); PA
ERBITUX	4	PA	<i>letrozole</i>	1	
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LYSODREN	4	PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1	
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1	
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>nilutamide</i>	1	QL(2 ea daily)
DAURISMO	4	PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); PA	ORGOVYX	4	PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	TRELSTAR MIXJECT	4	PA
<i>anastrozole</i>	1	QL(1 ea daily)	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
<i>bicalutamide</i>	1	QL(1 ea daily); SP	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
EMCYT	4	PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antineoplastic - Immunomodulators</b>		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors</b>		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic - XPO1 Inhibitors</b>		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
<b>Antineoplastic Antibiotics</b>		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	PA
<b>Antineoplastic Combinations</b>		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA
<b>Antineoplastic Enzyme Inhibitors</b>		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
BOSULIF TABS	4	QL(1 ea daily); PA
BRAFTOVI 75 MG	4	PA
BRUKINSA	4	PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); PA
COPIKTRA	4	PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INREBIC	4	PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); PA
JAKAFI 5 MG, 15 MG, 25 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
JAKAFI 10 MG, 20 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI	4	PA	TABRECTA	4	PA
KOSELUGO	4	PA	TAFINLAR CAPS	4	PA
KYPROLIS	4	PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TASIGNA	4	QL(4 ea daily); PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	TAZVERIK	4	PA
MEKINIST TABS	4	PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); PA
MEKTOVI	4	PA	TIBSOVO	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	TURALIO	4	AC; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	VERZENIO	4	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); PA
QINLOCK	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XOSPATA	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZELBORAF	4	PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
SPRYCEL ( <i>dasatinib</i> )	4	QL(1 ea daily); PA	ONCASPAR	4	PA
			Antineoplastics Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	PA
<i>bexarotene</i>	4	PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
<i>hydroxyurea</i>	1		HYCAMTIN CAPS	4	PA
MATULANE	4	PA	<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	PA
PHOTOFRIN	4	PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	PA
PROLEUKIN	4	PA	<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
SYNRIBO	4	PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1		<i>carbidopa</i>	1	
UVADEX	4	PA	Antiparkinson Anticholinergics		
Chemotherapy Adjuncts			<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
KEPIVANCE 6.25 MG	4	PA	<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1		<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1		Antiparkinson COMT Inhibitors		
VORAXAZE	4	PA	<i>entacapone</i>	1	QL(8 ea daily)
Mitotic Inhibitors			<i>tolcapone</i>	1	
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	PA	Antiparkinson Dopaminergics		
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
<i>eribulin mesylate</i>	4	PA	<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
ETOPOPHOS	4	PA	<i>amantadine hcl TABS</i>	1	
<i>etoposide CAPS</i>	4	PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1	
HALAVEN ( <i>eribulin mesylate</i> )	4	PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1	
IXEMPRA KIT 15 MG	4	PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1	
JEVTANA	4	PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1	
<i>paclitaxel 150 MG/25ML</i>	4	PA			
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1		<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1		<b>Benzisoxazoles</b>		
NEUPRO	2		FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1		<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1		<i>paliperidone 6 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA	RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<b>Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors</b>			<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 ea daily); PA
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 ea daily); PA	<i>risperidone SOLN</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1		<i>risperidone TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>selegiline hcl TABS</i>	1		<i>risperidone TBDP</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>			<b>Butyrophenones</b>		
<b>Antimanic Agents</b>			<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ml daily)
<i>lithium</i>	1		<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1		<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1		<i>haloperidol TABS</i>	1	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1		<b>Dibenzapines</b>		
<b>Antipsychotics - Misc.</b>			<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>clozapine TABS</i>	1	
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); PA	<i>clozapine TBDP 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>clozapine TBDP 12.5 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>clozapine TBDP 150 MG</i>	1	
			<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
			<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
			<i>loxapine succinate</i>	1	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<b>Phenothiazines</b>		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1	
<i>perphenazine TABS</i>	1	
<i>prochlorperazine</i>	1	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1	
<i>thioridazine hcl</i>	1	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1	
<b>Quinolinone Derivatives</b>		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
<b>Thioxanthenes</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>thiothixene</i>	1	
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>		
<b>Antiretrovirals</b>		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); PA
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
EMTRIVA CAPS ( <i>emtricitabine</i> )	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
FUZEON SOLR	4	PA
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREZISTA TABS 800 MG ( <i>darunavir</i> )	3	QL(1 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 ea daily)	RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
PEGASYS SOLN	1	QL(0.0714 ml daily); PA	<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA	<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1	QL(7 ea daily)	<b>Alpha-Beta Blockers</b>		
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1	QL(7 ea daily)	<i>carvedilol</i>	1	
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); MO; PA	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
SOVALDI TABS	4	QL(1 ea daily); PA	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA	<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<b>Herpes Agents</b>			<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	
<i>acyclovir CAPS</i>	1	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)	<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acyclovir SUSP</i>	1	QL(13.34 ml daily)	<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1	
<i>acyclovir TABS OR</i>	1	QL(5 ea daily)	<i>atenolol TABS</i>	1	
<i>famciclovir 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>bisoprolol fumarate</i>	1	
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<b>Influenza Agents</b>			<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail	<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
			<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
			<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
			HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
			<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
			<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
			<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
			<i>pindolol TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1	
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
<b>DILTIAZEM HCL SOLR</b>	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine</i>	1	
<i>isradipine CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1	
<i>nimodipine CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nisoldipine</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
<b>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</b>	2	
<b>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</b>	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 ea daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>bosentan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS ( <i>ivabradine hcl</i> )	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	1	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS</i>	1	
<i>cephalexin SUSR</i>	1	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefoxitin sodium IV</i>	1	
<i>cefprozil SUSR</i>	1	
<i>cefprozil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 3rd Generation			FEMLYV TBDP	0	
<i>cefдинир CAPS</i>	1		<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefдинир SUSR</i>	1		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefіxime CAPS</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefіxime SUSR</i>	1	PA	<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1		NATAZIA	0	
<i>ceftazidime IV 2 GM, 6 GM</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1		<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>			<i>norethindrone acet &amp; eth estra TABS</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
BALCOLTRA ( <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i> )	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)	<i>dexamethasone ELIX</i>	1	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone SOLN</i>	1	
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone TABS</i>	1	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	EMFLAZA SUSP ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
Emergency Contraceptives			EMFLAZA TABS ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
ELLA	0		<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
Progestin Contraceptives - Injectable			MEDROL TABS	3	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	1 max fill(s) per 90 day(s) retail	<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>methylprednisolone TBPk</i>	1	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
OPILL	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>			<i>prednisolone TABS</i>	1	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone SOLN</i>	1	
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>prednisone TABS</i>	1	
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA	<i>prednisone TBPk</i>	1	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1		<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1	
			Mineralocorticoids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS	1	
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		
<b>Antitussives</b>		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex</i> SUER	1	
TUZISTRA XR	2	PA
<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1	
<b>Mucolytics</b>		
<i>acetylcysteine</i> SOLN	1	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
<b>Acne Products</b>		
<i>adapalene-benzoyl peroxide</i> GEL 2.5 %-0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene</i> CREA	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene</i> GEL 0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>adapalene</i> GEL 0.3 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin</i> GEL	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide</i> FOAM 5.3 %, 9.8 %	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 5 %	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> FOAM	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> GEL	1	QL(8 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> LOTN	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SOLN	1	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SWAB	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide</i> GEL 5 %-1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>erythromycin (acne aid)</i> PADS	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid)</i> SOLN	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin</i> 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	3	AL(At least 12 yrs old); PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ml daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 gm daily)
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>			<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)	<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
<b>Antibiotics - Topical</b>			ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)	<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 gm daily)	<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1		<i>luliconazole</i>	1	PA
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antifungals - Topical</b>			<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
			<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 gm daily)	<b>Antipruritics - Topical</b>		
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<b>Antipsoriatics</b>		
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1		<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1	PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<b>Anti-inflammatory Agents - Topical</b>			<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 ea daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<b>Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical</b>			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1	QL(1 gm daily)	<i>amcinonide OINT</i>	3	
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1	
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	PA
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	PA
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 gm daily); PA
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 gm daily); PA
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)			
<i>amcinonide CREA</i>	1	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1	
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)			
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 gm daily)
<b>Eczema Agents</b>		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents</b>		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<b>Rosacea Agents</b>		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
<b>Wound Care Products</b>		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<b>Diagnostic Tests</b>		
CHEMSTRIP-K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
KETONE TEST STRIPS STRP	1	
KETONE STRP	1	
KETOSTIX STRP	1	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1	
PRECISION XTRA	1	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1	
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
<b>Digestive Enzymes</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>		
<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>Diuretic Combinations</b>		
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
<b>Loop Diuretics</b>		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>toremide TABS</i>	1	
<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
<b>Bone Density Regulators</b>		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	PA
<b>Corticotropin</b>		
ACTHAR GEL	3	PA
<b>Fertility Regulators</b>		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
<b>Growth Hormone Receptor Antagonists</b>		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	PA
<b>Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)</b>		
EGRIFTA 2 MG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	1	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	1	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	1	PA
ZORBTIVE SC	4	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	1	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	PA
<i>betaine</i>	4	PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
ELAPRASE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
Progesterone Receptor Antagonists		
<i>mifepristone</i>	1	QL(1 ea per fill retail; 1 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Somatostatic Agents</b>		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOSY</i>	4	
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ( <i>octreotide acetate</i> )	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
<b>Vasopressin Receptor Antagonists</b>		
JYNARQUE TBPB	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Estrogen Combinations</b>		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
<b>Estrogens</b>		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol TABS</i>	1	
ESTROGEL GEL ( <i>estradiol</i> )	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluoroquinolones</b>		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
<b>Bile Acid Synthesis Disorder Agents</b>		
CHOLBAM	1	PA
<b>Gallstone Solubilizing Agents</b>		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
<b>Gastrointestinal Chloride Channel Activators</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>Gastrointestinal Stimulants</b>		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>Inflammatory Bowel Agents</b>		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	
<i>mesalamine CPDR</i>	1	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
<i>alvimopan</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
VELPHORO	3	PA
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1	
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
<b>Urinary Analgesics</b>		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	
<b>Urinary Stone Agents</b>		
THIOLA EC TBEC 100 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
<b>Gout Agent Combinations</b>		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
<b>Gout Agents</b>		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<b>Uricosurics</b>		
<i>probenecid</i>	1	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
<b>Antihemophilic Products</b>		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
<b>Bradykinin B2 Receptor Antagonists</b>		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	1	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	1	QL(9 ml daily); PA
<b>Complement Inhibitors</b>		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
RUCONEST	1	QL(0.143 ea daily); PA
<b>Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors</b>		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Hematorheologic Agents</b>		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Plasma Kallikrein Inhibitors</b>		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
<b>Platelet Aggregation Inhibitors</b>		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
<b>Agents for Gaucher Disease</b>		
CERDELGA	1	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	1	PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Agents for Sickle Cell Disease</b>		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
<b>Cobalamins</b>		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ml daily)
<b>Folic Acid/Folates</b>		
<i>folic acid TABS 1 MG, 400 MCG</i>	0	
<b>Hematopoietic Growth Factors</b>		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	1	PA
ZIEXTENZO	4	PA
<b>Hematopoietic Mixtures</b>		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Iron</b>		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
<b>Stem Cell Mobilizers</b>		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	PA
<i>plerixafor</i>	4	PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
<b>Hemostatics - Systemic</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>flurazepam hcl</i>	1	PA
<i>temazepam</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
Bulk Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azithromycin SOLR</i>	1		FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>azithromycin SUSR</i>	1				
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 ea daily)			
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)			
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)			
Clarithromycin			FEMCAP DEVI	0	
<i>clarithromycin SUSR</i>	1		KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin TABS</i>	1		KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin TB24</i>	1		KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Erythromycins			KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Fidaxomicin			KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>					
Contraceptives					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)			
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 ea daily)
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)	<b>Diabetic Supplies</b>		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1	RX/OTC
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1	
Parenteral Therapy Supplies		
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day; #
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail); PA
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ml daily)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>		
<b>Bicarbonates</b>		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1	
<b>Calcium</b>		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
<b>Electrolyte Mixtures</b>		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
<i>electrolyte-148</i>	1	
<i>electrolyte-a</i>	1	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-S	1	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1	
<i>lactated ringer's</i>	1	
NORMOSOL-M/D5W	1	
NORMOSOL-R	1	
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1	
PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		<i>potassium chloride CPCR</i>	1	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1	PA
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>potassium chloride in nacl</i> )	1		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1	
<i>ringer's</i>	1		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1	
Fluoride			Sodium		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	
Magnesium			<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1		Chelating Agents		
Phosphate			<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1		<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
Potassium			<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); PA
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1		Immunomodulators		
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1		<i>lenalidomide</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1		THALOMID	4	QL(3 ea daily); PA
			Immunosuppressive Agents		
			ATGAM	4	PA
			AZATHIOPRINE	1	
			<i>azathioprine TABS</i>	1	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1	
			<i>cyclosporine CAPS</i>	1	
			<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1	
			ENSPRYNG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1	
<i>mycophenolate sodium</i>	1	
NULOJIX	4	PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1	
THYMOGLOBULIN	4	PA
<b>Irrigation Solutions</b>		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	
<i>ringer's irrigation</i>	1	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
<b>Potassium Removing Agents</b>		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		
<b>Anesthetics Topical Oral</b>		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<b>Anti-infectives - Throat</b>		
<i>clotrimazole</i>	1	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
<b>Antiseptics - Mouth/Throat</b>		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
DEBACTEROL	2	
<b>Dental Products</b>		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
<b>Steroids - Mouth/Throat/Dental</b>		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
<b>Throat Products - Misc.</b>		
<i>cevimeline hcl</i>	1	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
<b>MULTIVITAMINS</b>		
<b>Ped MV w/ Fluoride</b>		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC
<b>Prenatal Vitamins</b>		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -</b>					
<b>Drugs to Treat Spasms</b>					
<b>Central Muscle Relaxants</b>					
<i>baclofen</i> TABS				1	
<i>carisoprodol</i> TABS				1	
<i>chlorzoxazone</i> TABS 500 MG				1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ml daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	
Ophthalmic Adrenergic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>apraclonidine hcl</i>	1	
<i>brimonidine tartrate 0.15 % , 0.2 %</i>	1	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
<i>trifluridine</i>	1	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>proparacaine hcl</i>	1	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP ( <i>loteprednol etabonate</i> )	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); PA
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
<b>OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear</b>		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		
Immune Serums		
CUVITRU SOLN 1 GM/5ML, 2 GM/10ML, 4 GM/20ML, 10 GM/50ML	1	PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	1	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	1	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	1	PA
GAMUNEX-C	1	PA
HIZENTRA SOLN	1	PA
HIZENTRA SOSY 10 GM/50ML	1	PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	1	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
<i>lofexidine hcl</i>	1	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA ( <i>lofexidine hcl</i> )	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>memantine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	1	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); PA
BETASERON KIT	4	SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dalfampridine</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.0357 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pimozide</i>	1	
<b>Smoking Deterrents</b>		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
<b>Transthyretin Amyloidosis Agents</b>		
TEGSEDI	1	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
<b>Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)</b>		
PROLASTIN-C SOLN	1	PA
<b>Cystic Fibrosis Agents</b>		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Pulmonary Fibrosis Agents</b>		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Sulfonamides</b>		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluorocyclines</b>		
XERAVA	4	PA
<b>Glycylcyclines</b>		
<i>tigecycline</i>	1	
<b>Tetracyclines</b>		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1	
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
<b>Antithyroid Agents</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methimazole TABS</i>	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
<b>Thyroid Hormones</b>		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1	
NP THYROID 120 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1	QL(1 ea daily)
<b>TOXOIDS</b>		
<b>Toxoid Combinations</b>		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	

**ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine**

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>and Stomach Conditions</b>		
<b>Antispasmodics</b>		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1	
<i>methscopolamine bromide</i>	1	
<b>H-2 Antagonists</b>		
<i>cimetidine hcl OR 300 MG/5ML</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
<i>famotidine SUSP</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1	
<b>Misc. Anti-Ulcer</b>		
<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Proton Pump Inhibitors</b>		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
NEXIUM 24HR TBEC ( <i>esomeprazole magnesium</i> )	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>tropium chloride CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1	
<b>VACCINES</b>		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Viral Vaccines			FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ABRYSVO	0		FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0		FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSP	0				
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL INACTIVATED IPV	0	
FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JANSSEN COVID-19 VACCINE	0	
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA. 4/BA.5	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		ROTARIX SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	VAQTA	0	
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
			Miscellaneous Vaginal Products		
			INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
			Spermicides		
			TODAY SPONGE MISC	0	
			Vaginal Anti-infectives		
			<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
			<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
			GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metronidazole vaginal</i>	1	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
<b>Vaginal Anti-inflammatory Agents</b>		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<b>Vaginal Contraceptive - pH Modulators</b>		
PHEXXI	0	PV
<b>Vaginal Estrogens</b>		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
<b>Anaphylaxis Therapy Agents</b>		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
<b>Vasopressors</b>		
<i>midodrine hcl</i>	1	
<b>VITAMINS</b>		
<b>Oil Soluble Vitamins</b>		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
<b>Water Soluble Vitamins</b>		
NIACIN TR TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	
SLO-NIACIN TBCR 500 MG, 750 MG ( <i>niacin</i> )	1	



## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	30	acyclovir CAPS .....	32	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	51
abacavir sulfate TABS .....	30	acyclovir SUSP .....	32	AKYNZEO .....	18
abacavir sulfate-lamivudine .....	30	acyclovir TABS OR .....	32	albendazole .....	7
ABELCET .....	18	acyclovir topical CREA .....	40	albuterol sulfate AERS .....	9
abiraterone acetate 250 MG .....	25	acyclovir topical OINT .....	40	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	9
abiraterone acetate 500 MG .....	25	ADACEL SUSP .....	64	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML .....	9
ABRYSSVO .....	66	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate SYRP .....	10
acamprosate calcium .....	61	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	albuterol sulfate TABS .....	10
acarbose .....	15	adapalene CREA .....	37	alclometasone dipropionate CREA	40
acebutolol hcl CAPS .....	32	adapalene GEL 0.1 % .....	37	alclometasone dipropionate OINT	40
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 % .....	37	ALDURAZYME .....	45
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	37	ALECENSA .....	26
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	24	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	44
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	31	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	44
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG .....	6	ADEMPAS .....	34	alfuzosin hcl .....	47
acetazolamide CP12 .....	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG .....	64	ALINIA SUSR .....	22
acetazolamide sodium .....	43	ADVATE .....	48	aliskiren fumarate .....	21
acetazolamide TABS 125 MG .....	43	ADYNOVATE .....	48	allopurinol 100 MG, 300 MG .....	48
acetazolamide TABS 250 MG .....	43	AFLURIA 2024-2025 SUSP .....	66	almotriptan malate 12.5 MG .....	53
acetic acid (otic) .....	60	AFLURIA 2024-2025 SUSY .....	66	almotriptan malate 6.25 MG .....	53
acetic acid 0.25 % .....	47	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	66	ALOCRIAL .....	59
acetylcysteine SOLN .....	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	66	alogliptin benzoate .....	16
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	66	alogliptin-metformin hcl .....	15
acitretin 25 MG .....	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	66	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....	15
ACTHAR GEL .....	44	AFSTYLA .....	48	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG .....	15
ACTHIB SOLR IM .....	65	AIMOVIG .....	53	ALOMIDE .....	60
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML .....	28				

alose tron hcl	47	calcium	33	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alprazolam TABS	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	amphotericin b IV	18
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-valsartan	20	amphotericin b liposome	18
ALPROLIX	48	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	.61
ALREX SUSP (lote prednol etabonate)	59	amoxapine	15	ampicillin CAPS 500 MG	.61
ALTABAX	38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW 61		ampicillin sodium IJ 1 GM	.61
ALTUVIII O	48	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61		anagrelide hcl	48
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61		anastrozole	25
ALUNBRIG TBPK	26	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	.61	ANNOVERA	36
alvimopan	47	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG 61		ANORO ELLIPTA	10
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin SUSR	.61	ANZEMET TABS 50 MG	17
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin TABS	.61	APIDRA SOLN	16
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
ambrisentan	34	amphetamine sulfate TABS	1	apomorphine hydrochloride SOCT	28
amcinonide CREA	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	apraclonidine hcl	59
amcinonide LOTN	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	18
amcinonide OINT	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	aprepitant CAPS 80 MG	18
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS	18
amiloride & hydrochlorothiazide	43			aprepitant MISC	18
amiloride hcl TABS	44			APTIOM	12
aminocaproic acid TABS	50			APTIVUS CAPS	30
aminophylline SOLN	10				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	15				
amlodipine besylate TABS	33				
amlodipine besylate-atorvastatin					

ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	49	MG, 40 MG .....	1	azithromycin SUSR .....	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	1	azithromycin TABS 250 MG .....	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	49	atorvastatin calcium TABS .....	19	azithromycin TABS 500 MG .....	51
ARCALYST .....	3	atovaquone .....	22	azithromycin TABS 600 MG .....	51
AREXVY .....	66	atovaquone-proguanil hcl .....	22	aztreonam 1 GM .....	22
arformoterol tartrate .....	10	atracurium besylate 100 MG/10ML 58		bacitracin (ophthalmic) .....	59
ARIKAYCE .....	2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	64	bacitracin .....	21
aripiprazole SOLN OR .....	30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	64	baclofen TABS .....	57
aripiprazole TABS .....	30	ATROVENT HFA .....	9	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	35
armodafinil .....	2	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk .....	62	balsalazide disodium CAPS .....	47
ARMOUR THYROID TABS .....	64	AUSTEDO TABS .....	62	BALVERSA .....	26
ARNUITY ELLIPTA .....	9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK .....	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	28	AUSTEDO XR TB24 .....	62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
ARZERRA .....	24	AVONEX PEN AJKT .....	62	BARACLUDE SOLN .....	31
asenapine maleate 2.5 MG .....	29	AVONEX PSKT .....	62	BASAGLAR KWIKPEN SOPN .....	16
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	29	AYVAKIT .....	26	BAXDELA SOLR .....	46
aspirin CHEW .....	5	azacitidine SUSR .....	24	BAXDELA TABS .....	46
aspirin TABS 325 MG .....	5	AZASITE .....	59	BELSOMRA .....	50
aspirin TBEC 81 MG .....	5	AZATHIOPRINE .....	55	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
aspirin-dipyridamole .....	48	azathioprine TABS .....	55	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	30	azelaic acid GEL .....	42	benazepril hcl .....	20
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	30	azelastine hcl (ophth) .....	60	bendamustine hcl SOLR .....	23
atenolol & chlorthalidone .....	20	azelastine hcl .....	58	BENEFIX KIT .....	48
atenolol TABS .....	32	AZELEX .....	37	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	
ATGAM .....	55	azithromycin PACK .....	50	BENZEPRO FOAM 5.3 % .....	37
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25		azithromycin SOLR .....	51	benzonatate 100 MG .....	37

benzonatate 150 MG .....	37	betaxolol hcl .....	32	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	12
benzonatate 200 MG .....	37	bethanechol chloride 25 MG .....	65	BRIVIACT TABS .....	12
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....	37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG .....	65	bromfenac sodium (ophth) .....	60
benzoyl peroxide GEL 10 % .....	37	bexarotene (topical) .....	39	bromocriptine mesylate CAPS .....	28
benzoyl peroxide GEL 5 % .....	37	bexarotene .....	28	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG .....	28
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % .....	37	BEXSERO .....	65	BRUKINSA .....	26
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37		bicalutamide .....	25	budesonide (inhalation) SUSP .....	9
benztropine mesylate SOLN .....	28	BIKTARVY .....	30	budesonide (intrarectal) .....	7
benztropine mesylate TABS .....	28	bimatoprost SOLN .....	60	budesonide (nasal) .....	58
bepotastine besilate .....	60	bisacodyl TBEC .....	50	budesonide CPEP .....	36
BESIVANCE .....	59	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	budesonide-formoterol fumarate dihydrate .....	10
betaine .....	45	bisoprolol fumarate .....	32	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	44
betamethasone dipropionate (topical) CREA .....	40	bleomycin sulfate 15 UNIT .....	26	bumetanide TABS .....	44
betamethasone dipropionate (topical) LOTN .....	40	BOOSTRIX SUSP .....	64	buprenorphine hcl SOLN .....	7
betamethasone dipropionate (topical) OINT .....	40	BOOSTRIX SUSY .....	64	buprenorphine hcl SUBL .....	7
betamethasone dipropionate augmented CREA .....	40	bortezomib SOLR IJ .....	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG .....	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN .....	40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG ....	7
betamethasone dipropionate augmented OINT .....	40	bosentan TABS .....	34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL .....	7
betamethasone valerate CREA ...	40	BOSULIF TABS .....	26	buprenorphine PTWK .....	7
betamethasone valerate FOAM ...	40	BRAFTOVI 75 MG .....	26	bupropion hcl (smoking deterrent)	63
betamethasone valerate LOTN ....	40	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol) .....	10	bupropion hcl TABS .....	13
betamethasone valerate OINT ....	40	BREO ELLIPTA .....	10	bupropion hcl TB12 100 MG .....	13
BETASERON KIT .....	62	BREZTRI AEROSPHERE .....	10	bupropion hcl TB12 150 MG .....	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN .....	58	BRILINTA .....	48	bupropion hcl TB12 200 MG .....	13
		brimonidine tartrate (topical) .....	42	bupropion hcl TB12 200 MG .....	13
		brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59	bupropion hcl TB24 150 MG .....	13
		brimonidine tartrate-timolol maleate . 58		bupropion hcl TB24 300 MG .....	13
		brinzolamide .....	60		

buspirone hcl .....	8	calcitriol CAPS .....	45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18
busulfan SOLN .....	23	calcitriol SOLN IV .....	45	carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....	23
butalbital-acetaminophen TABS 50		calcium acetate (phosphate binder)		carisoprodol TABS .....	57
MG-325 MG .....	5	CAPS .....	47	carmustine .....	23
butalbital-acetaminophen-caffeine		calcium acetate (phosphate binder)		carteolol hcl (ophth) .....	58
CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	4	TABS .....	47	carvedilol .....	32
butalbital-acetaminophen-caffeine		calcium chloride (dihydrate) SOLN	54	carvedilol phosphate .....	32
CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium polycarbophil TABS .....	50	caspofungin acetate .....	18
butalbital-acetaminophen-caffeine		CALQUENCE .....	26	CAYA DPRH .....	51
TABS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	candesartan cilexetil .....	20	CAYSTON .....	22
butalbital-acetaminophen-caffeine w/		candesartan cilexetil-		cefaclor CAPS .....	34
codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300		hydrochlorothiazide .....	21	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250	
MG .....	6	capecitabine .....	24	MG/5ML, 375 MG/5ML .....	34
butalbital-acetaminophen-caffeine w/		CAPRELSA .....	26	cefadroxil CAPS .....	34
codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325		captopril 12.5 MG .....	20	cefadroxil SUSR .....	34
MG .....	6	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	20	cefadroxil TABS .....	34
butalbital-aspirin-caffeine CAPS ....	5	carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10	
butalbital-aspirin-caffeine w/cod ....	6	carbamazepine CP12 100 MG ....	12	GM, 500 MG .....	34
butenafine hcl .....	38	carbamazepine CP12 200 MG ....	12	cefdinir CAPS .....	35
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2		carbamazepine CP12 300 MG ....	12	cefdinir SUSR .....	35
MG/ML .....	7	carbamazepine SUSP .....	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	35
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine TABS .....	12	cefixime CAPS .....	35
cabergoline .....	45	carbamazepine TB12 100 MG, 400		cefixime SUSR .....	35
CABLIVI .....	48	MG .....	12	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	35
CABOMETYX TABS .....	26	carbamazepine TB12 200 MG ....	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcipotriene CREA .....	39	carbidopa .....	28	cefoxitin sodium IV .....	34
calcipotriene OINT .....	39	carbidopa-levodopa TABS .....	28	cefpodoxime proxetil SUSR .....	35
calcipotriene SOLN .....	39	carbidopa-levodopa TBCR .....	29	cefpodoxime proxetil TABS .....	35
calcipotriene-betamethasone		carbidopa-levodopa TBDP .....	29	cefprozil SUSR .....	34
dipropionate OINT .....	40	carbidopa-levodopa-entacapone .	28	cefprozil TABS .....	34
calcipotriene-betamethasone		carbinoxamine maleate SOLN .....	18		
dipropionate SUSP .....	40				
calcitonin (salmon) NA .....	44				
calcitriol (topical) .....	39				

ceftazidime IV 2 GM, 6 GM .....	35	CHOLBAM .....	46	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	60
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG .....	35	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 50000 UNIT .....	69	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ....	23
cefuroxime axetil TABS .....	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....	69	citalopram hydrobromide SOLN ...	14
cefuroxime sodium IJ 750 MG .....	34	cholestyramine light PACK .....	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG .....	14
celecoxib .....	4	cholestyramine light POWD .....	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG .....	14
CELONTIN (methsuximide) .....	13	cholestyramine PACK .....	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG .....	14
cephalexin CAPS .....	34	cholestyramine POWD .....	19	clarithromycin SUSR .....	51
cephalexin SUSR .....	34	choline fenofibrate .....	19	clarithromycin TABS .....	51
CERDELGA .....	49	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44		clarithromycin TB24 .....	51
CEREZYME 400 UNIT .....	49	ciclopirox GEL .....	38	CLARITIN TABS (loratadine) .....	18
cetirizine hcl TABS .....	18	ciclopirox olamine CREA .....	38	CLASSIC PRENATAL TABS .....	56
cevimeline hcl .....	56	ciclopirox olamine SUSP .....	38	clemastine fumarate SYRP .....	18
CHEMET .....	17	ciclopirox SHAM .....	38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18
CHEMSTRIP-K STRP .....	43	ciclopirox SOLN .....	38	CLIMARA PRO .....	46
chloramphenicol sodium succinate 22		cidofovir .....	31	clindamycin hcl .....	22
chlordiazepoxide hcl CAPS .....	8	cilostazol .....	48	clindamycin palmitate hydrochloride .	22
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide .....	64	CIMDUO .....	30	clindamycin phosphate (topical) FOAM .....	37
chlordiazepoxide-amitriptyline ....	62	cimetidine hcl OR 300 MG/5ML ...	64	clindamycin phosphate (topical) GEL	37
chlorhexidine gluconate (mouth- throat) .....	56	cimetidine TABS .....	64	clindamycin phosphate (topical) LOTN .....	37
chloroquine phosphate TABS 250 MG .....	23	cinacalcet hcl .....	45	clindamycin phosphate (topical) SOLN .....	37
chloroquine phosphate TABS 500 MG .....	23	CIPRO SUSR .....	46	clindamycin phosphate (topical) SWAB .....	37
chlorpromazine hcl SOLN .....	30	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ....	59	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600	
chlorpromazine hcl TABS .....	30	ciprofloxacin hcl (otic) .....	60		
chlorthalidone 25 MG, 50 MG .....	44	ciprofloxacin hcl TABS .....	46		
chlorzoxazone TABS 500 MG .....	57	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML .....	46		
chlorzoxazone TABS 750 MG .....	58	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML .....	46		
		ciprofloxacin-dexamethasone ....	60		

MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	22	clopidogrel bisulfate 300 MG .....	48	COMIRNATY SUSP .....	66
clindamycin phosphate vaginal CREA .....	68	clopidogrel bisulfate 75 MG .....	49	COMPLERA .....	30
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	37	clorazepate dipotassium TABS .....	8	CONTRACE .....	1
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	37	clotrimazole (topical) CREA .....	38	COPIKTRA .....	26
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clotrimazole (topical) SOLN .....	38	CORDRAN TAPE .....	41
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 58		clotrimazole .....	56	CORLANOR SOLN .....	34
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 58		clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	68	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 58		clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	38	CORTISPORIN-TC .....	60
clobazam SUSP .....	11	clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	38	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	39
clobazam TABS .....	11	clozapine TABS .....	29	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	39
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40		clozapine TBDP 100 MG .....	29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	39
clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....	40	clozapine TBDP 12.5 MG .....	29	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	39
clobetasol propionate FOAM .....	40	clozapine TBDP 150 MG .....	29	CRESEMBA CAPS 186 MG .....	18
clobetasol propionate GEL 0.05 % 40		clozapine TBDP 200 MG .....	29	cromolyn sodium (ophth) .....	60
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40		clozapine TBDP 25 MG .....	29	cromolyn sodium NEBU .....	9
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 41		COARTEM .....	23	crotamiton LOTN .....	42
clocortolone pivalate .....	41	codeine sulfate TABS 30 MG .....	5	CUVITRU SOLN 1 GM/5ML, 2 GM/10ML, 4 GM/20ML, 10 GM/50ML .....	60
clofarabine .....	24	CODEINE SULFATE TABS .....	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	56
clomipramine hcl .....	15	colchicine TABS .....	48	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	49
clonazepam TABS .....	11	colchicine w/ probenecid .....	48	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG .....	58
clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1	colesevelam hcl PACK .....	19	cyclophosphamide CAPS .....	23
clonidine hcl TABS .....	20	colesevelam hcl TABS .....	19	cyclophosphamide SOLR IJ .....	23
clonidine PTWK .....	20	colestipol hcl GRAN .....	19	cycloserine .....	23
		colestipol hcl PACK .....	19	cyclosporine (ophth) EMUL .....	59
		colestipol hcl TABS .....	19		
		COMETRIQ KIT .....	26		
		COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	66		
		COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	66		
		COMIRNATY 2024-25 SUSY .....	66		

cyclosporine CAPS .....	55	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG .....	15	NA .....	45
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS .....	55	dapsone .....	22	desmopressin acetate spray .....	45
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	55	DAPTACEL .....	64	desmopressin acetate spray refrigerated .....	45
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML ..	55	daptomycin 500 MG .....	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45	
CYLTEZO AJKT .....	3	darifenacin hydrobromide .....	65	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45	
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML .....	3	darunavir TABS 600 MG .....	30	desogestrel & ethinyl estradiol ....	35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	darunavir TABS 800 MG .....	30	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT .....	3	dasatinib .....	26	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	DAURISMO .....	25	desonide CREA .....	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ...	3	DEBACTEROL .....	56	desonide LOTN .....	41
cyproheptadine hcl SYRP .....	19	decitabine .....	24	desonide OINT .....	41
cyproheptadine hcl TABS .....	19	deferasirox PACK .....	17	desoximetasone CREA 0.25 % ....	41
CYSTAGON CAPS .....	47	deferasirox TABS .....	17	desoximetasone GEL .....	41
CYSTARAN .....	60	deferasirox TBSO .....	17	desoximetasone OINT 0.25 % ....	41
cytarabine SOLN .....	24	deferiprone TABS 500 MG .....	17	desvenlafaxine succinate 100 MG .14	
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		deflazacort SUSP .....	36	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14
dacarbazine SOLR 200 MG .....	28	deflazacort TABS .....	36	dexamethasone ELIX .....	36
dactinomycin .....	26	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	46	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	36
dalfampridine .....	62	DELSTRIGO .....	30	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	59
danazol CAPS .....	7	demeclocycline hcl TABS .....	63	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	36
dantrolene sodium CAPS .....	58	DEPO-ESTRADIOL .....	46	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML .....	36
dapagliflozin propanediol .....	17	DEPO-MEDROL SUSP .....	36	dexamethasone SOLN .....	36
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG .....	15	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	36	dexamethasone TABS .....	36
		desipramine hcl TABS .....	15		
		desloratadine TABS .....	19		
		desloratadine TBDP 2.5 MG .....	19		
		desmopressin acetate SOLN IJ ...	45		
		DESMOPRESSIN ACETATE SOLN			



dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	diclofenac sodium TBEC ..... 4	33
dexlansoprazole .....64	diclofenac w/ misoprostol TBEC .... 4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..33
dexmethylphenidate hcl CP24 .....2	dicloxacillin sodium .....61	DILTIAZEM HCL SOLR .....33
dexmethylphenidate hcl TABS .....2	dicyclomine hcl CAPS ..... 64	diltiazem hcl TABS .....33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....1	dicyclomine hcl SOLN OR ..... 64	diltiazem hcl TB24 ..... 33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....1	dicyclomine hcl TABS .....64	dimethyl fumarate CDPK ..... 62
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	DIFFERIN LOTN .....37	dimethyl fumarate CPDR ..... 62
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG ..... 1	DIFICID TABS ..... 51	DIPENTUM .....47
dextrose in lactated ringers ..... 54	diflorasone diacetate CREA ..... 41	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18
DIACOMIT CAPS 250 MG .....12	diflorasone diacetate OINT ..... 41	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML .....18
DIACOMIT CAPS 500 MG .....12	diflunisal TABS .....5	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML .....18
DIACOMIT PACK 250 MG .....12	difluprednate .....59	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML ..... 18
DIACOMIT PACK 500 MG .....12	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ...33	diphenoxylate w/ atropine LIQD ... 17
diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....33	diphenoxylate w/ atropine TABS ...17
diazepam CONC .....8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML ..... 53	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..64
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML .... 8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML ..... 53	dipyridamole .....49
diazepam TABS .....8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) ..... 13	disopyramide phosphate CAPS ....8
diazoxide ..... 16	DILANTIN .....13	disulfiram .....61
dichlorphenamide ..... 43	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) ..... 13	DIURIL SUSP .....44
diclofenac epolamine PTCH EX ...39	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13	divalproex sodium TB24 ..... 13
diclofenac potassium TABS 50 MG .4	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG ..... 33	divalproex sodium TBEC .....13
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG ..... 33	docetaxel CONC 20 MG/ML .....28
diclofenac sodium (ophth) .....60	diltiazem hcl CP12 .....33	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....28
diclofenac sodium (topical) GEL EX 39	diltiazem hcl CP24 .....33	docusate calcium .....50
diclofenac sodium TB24 ..... 4	diltiazem hcl extended release beads.	docusate sodium CAPS 100 MG .. 50
		docusate sodium CAPS 250 MG .. 50

dofetilide .....	8	doxycycline hyclate SOLR .....	63	efavirenz CAPS 50 MG .....	30
donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	61	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	63	efavirenz TABS .....	30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG .....	61	doxylamine-pyridoxine TBEC .....	18	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	30
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	61	dronabinol CAPS .....	18	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	30
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 61		drospirenone-ethinyl estradiol .....	35	EGRIFTA 2 MG .....	44
DOPTELET .....	49	drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium .....	35	EGRIFTA SV .....	45
dorzolamide hcl .....	60	DROXIA CAPS .....	49	ELAPRASE .....	45
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	58	DUAVEE .....	46	electrolyte-148 .....	54
DOVATO .....	30	DULERA .....	10	electrolyte-a .....	54
doxazosin mesylate .....	20	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14	ELESTRIN GEL .....	46
doxepin hcl (antipruritic) .....	39	duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	eletriptan hydrobromide .....	53
doxepin hcl (sleep) .....	50	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42		ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	25
doxepin hcl CAPS .....	15	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ..	42	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	25
doxepin hcl CONC .....	15	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 42		ELIQUIS STARTER PACK TBPB ..	10
doxercalciferol CAPS .....	45	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELIQUIS TABS .....	10
doxercalciferol SOLN .....	45	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ..	42	ELLA .....	36
doxorubicin hcl liposomal SUSP ..	26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	51	ELMIRON CAPS .....	47
doxorubicin hcl SOLN .....	26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC .....	51	ELOCTATE .....	48
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	26	DUREX TROPICAL MISC .....	51	EMCYT .....	25
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	63	dutasteride .....	48	EMFLAZA SUSP (deflazacort) ....	36
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	63	dutasteride-tamsulosin hcl .....	48	EMFLAZA TABS (deflazacort) ....	36
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	63	econazole nitrate CREA .....	38	EMGALITY SOAJ .....	53
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG .....	63	EDARBI .....	20	EMGALITY SOSY 100 MG/ML ....	53
doxycycline hyclate CAPS .....	63	EDURANT .....	30	EMGALITY SOSY 120 MG/ML ....	53
		efavirenz CAPS 200 MG .....	30	EMSAM .....	13
				emtricitabine CAPS .....	30
				emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG .....	30

emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	30	EPIDIOLEX .....	12	erythromycin (acne aid) SOLN .....	37
EMTRIVA CAPS (emtricitabine) ...	30	epinastine hcl (ophth) .....	60	erythromycin (ophth) .....	59
EMTRIVA SOLN .....	31	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	69	erythromycin base CPEP .....	51
EMVERM CHEW .....	7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	69	erythromycin base TABS .....	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 21		EPIVIR HBV SOLN .....	31	erythromycin base TBEC .....	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 21		eplerenone .....	21	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
enalapril maleate TABS .....	20	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	49	erythromycin ethylsuccinate TABS 51	
ENBREL MINI SOCT .....	4	epoprostenol sodium .....	33	escitalopram oxalate SOLN .....	14
ENBREL SOLN .....	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 56		escitalopram oxalate TABS 10 MG 14	
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4	EQUETRO 100 MG .....	29	escitalopram oxalate TABS 20 MG 14	
ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4	EQUETRO 200 MG .....	29	escitalopram oxalate TABS 5 MG . 14	
ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4	EQUETRO 300 MG .....	29	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG .....	65
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	66	ERAXIS .....	18	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG .....	65
ENGERIX-B SUSY .....	66	ERBITUX .....	25	esomeprazole magnesium TBEC . 65	
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	11	ergocalciferol CAPS .....	69	ESPEROCT .....	48
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	11	ergocalciferol SOLN OR .....	69	estazolam .....	50
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	11	ergoloid mesylates TABS .....	62	estradiol GEL 0.06 % .....	46
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	11	ERGOMAR SUBL .....	53	estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM .....	46
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	11	ergotamine w/ caffeine TABS .....	53	estradiol PTTW .....	46
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	11	eribulin mesylate .....	28	estradiol PTWK .....	46
ENSPRYNG .....	55	ERIVEDGE .....	25	estradiol TABS .....	46
entacapone .....	28	ERLEADA 240 MG .....	25	estradiol vaginal CREA .....	69
entecavir TABS .....	31	ERLEADA 60 MG .....	25	estradiol vaginal TABS .....	69
		erlotinib hcl .....	25	estradiol valerate .....	46
		ERTACZO .....	38	ESTROGEL GEL (estradiol) .....	46
		ertapenem sodium IJ .....	22		
		erythromycin (acne aid) PADS .....	37		

eszopiclone .....	50	famotidine SUSR .....	64	ferrous fumarate-folic acid .....	49
ethacrynic acid .....	44	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	64	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	49
ethambutol hcl TABS .....	23	FANAPT .....	29	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	49
ethosuximide CAPS .....	13	FANAPT TITRATION PACK .....	29	.....	49
ethosuximide SOLN .....	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	51	ferrous sulfate TBEC 325 MG .....	49
ethynodiol diacet & eth estrad ....	35	FANTASY		fesoterodine fumarate .....	65
etodolac CAPS .....	4	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51	FETZIMA CP24 .....	14
etodolac TABS .....	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)		FETZIMA TITRATION PACK C4PK	14
etonogestrel-ethinyl estradiol .....	36	.....	17	finasteride .....	48
ETOPOPHOS .....	28	FARXIGA .....	17	fingolimod hcl .....	62
etoposide CAPS .....	28	FASENRA PEN SOAJ .....	9	FIRDAPSE .....	23
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100		FASENRA SOSY 30 MG/ML .....	9	FIRMAGON .....	25
MG/5ML, 500 MG/25ML .....	28	FC2 FEMALE CONDOM .....	51	flavoxate hcl .....	65
etravirine 100 MG .....	31	febuxostat .....	48	flecainide acetate .....	8
etravirine 200 MG .....	31	felbamate SUSP .....	13	floxuridine .....	24
EUCRISA .....	42	felbamate TABS 400 MG .....	13	FLUAD 2024-2025 .....	66
EVAMIST SOLN .....	46	felbamate TABS 600 MG .....	13	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	66
everolimus (immunosuppressant)		felodipine .....	33	.....	66
0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	56	FEMCAP DEVI .....	51	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	66
everolimus (immunosuppressant) 1		FEMLYV TBDP .....	35	.....	66
MG .....	56	FEMRING .....	69	FLUARIX 2024-2025 SUSY .....	66
everolimus TABS .....	26	fenofibrate micronized 43 MG, 67		FLUARIX QUADRIVALENT 2022-	
EVOTAZ .....	31	MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19	2023 SUSY .....	66
exemestane .....	25	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145		FLUARIX QUADRIVALENT 2023-	
ezetimibe .....	20	MG, 160 MG .....	19	2024 SUSY .....	66
ezetimibe-simvastatin .....	19	fenoprofen calcium TABS .....	4	FLUBLOK 2024-2025 SOSY .....	66
famciclovir 125 MG, 250 MG .....	32	FENSOLVI SC .....	45	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-	
famciclovir 500 MG .....	32	.....	45	2023 .....	66
famotidine in nacl SOLN .....	64	.....	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-	
famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40		.....	5	2024 .....	66
MG/4ML, 200 MG/20ML .....	64	.....	5	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	66
		.....	5	FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	66

FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	66	fluocinonide emulsified base .....	41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	66	fluocinonide GEL .....	41	fluticasone propionate hfa .....
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	66	fluocinonide OINT .....	41	fluticasone propionate LOTN .....
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	67	fluocinonide SOLN .....	41	fluticasone propionate OINT .....
fluconazole SUSR .....	18	fluorometholone (ophth) SUSP ....	59	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT .....
fluconazole TABS .....	18	fluorouracil (topical) CREA 5 % ....	39	10
flucytosine .....	18	fluorouracil (topical) SOLN .....	39	fluticasone-salmeterol AERO .....
fludarabine phosphate SOLN .....	24	fluorouracil 500 MG/10ML .....	24	10
fludarabine phosphate SOLR .....	24	fluoxetine hcl CAPS 10 MG .....	14	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...
fludrocortisone acetate TABS .....	37	fluoxetine hcl CAPS 20 MG .....	14	19
FLULAVAL 2024-2025 SUSY .....	67	fluoxetine hcl CAPS 40 MG .....	14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	67	fluoxetine hcl CPDR .....	14	19
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	67	fluoxetine hcl SOLN .....	14	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14
FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 2025 .....	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14		fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG .....
FLUMIST QUADRIVALENT .....	67	fluoxetine hcl TABS 20 MG .....	14	14
flunisolide (nasal) 0.025 % .....	58	fluphenazine hcl CONC .....	30	FLUZONE 2024-2025 SUSP .....
fluocinolone acetonide (otic) .....	60	fluphenazine hcl ELIX .....	30	67
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41		fluphenazine hcl SOLN .....	30	FLUZONE 2024-2025 SUSY .....
fluocinolone acetonide CREA 0.025 % .....	41	fluphenazine hcl TABS .....	30	67
fluocinolone acetonide OIL .....	41	flurandrenolide CREA .....	41	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY .....
fluocinolone acetonide OINT .....	41	flurandrenolide LOTN .....	41	67
fluocinolone acetonide SOLN .....	41	flurazepam hcl .....	50	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023 .....
fluocinonide CREA 0.05 % .....	41	flurbiprofen sodium .....	60	67
fluocinonide CREA 0.1 % .....	41	flurbiprofen TABS .....	4	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024 .....
		flutamide .....	25	67
		fluticasone furoate-vilanterol .....	10	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....
		fluticasone propionate (inhalation) AEPB .....	9	67
		fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58		FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....
				67
				FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....
				67
				FML FORTE SUSP .....
				59
				FML OINT .....
				59

folic acid TABS 1 MG, 400 MCG .. 49	MONITORING SYSTEM ..... 53	GM/100ML, 20 GM/200ML ..... 60
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML ..... 60
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR ..... 60
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML ..... 60
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	GAMUNEX-C ..... 60
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS ..... 43	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM ..... 53	ganciclovir sodium SOLR ..... 31
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT .. 43	fuvestrant SOSY ..... 25	ganirelix acetate ..... 44
formoterol fumarate NEBU ..... 10	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML ..... 44	GARDASIL 9 SUSP ..... 67
FOSAMAX PLUS D ..... 44	furosemide TABS ..... 44	GARDASIL 9 SUSY ..... 67
fosamprenavir calcium TABS ..... 31	FUZEON SOLR ..... 31	gatifloxacin (ophth) ..... 59
fosfomycin tromethamine ..... 22	FYCOMPA TABS 2 MG ..... 11	gefitinib ..... 25
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide ..... 21	FYCOMPA TABS 4 MG ..... 11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM ..... 24
fosinopril sodium ..... 20	FYCOMPA TABS 6 MG ..... 11	gemcitabine hcl SOLR 200 MG .... 24
fosphenytoin sodium ..... 13	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG ..... 11	gemfibrozil TABS ..... 19
FRAGMIN SOSY ..... 11	gabapentin CAPS ..... 12	GENOTROPIN CART SC ..... 45
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM ..... 52	gabapentin SOLN ..... 12	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM ..... 52	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % ..... 2
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM ..... 52	GALAFOLD ..... 45	gentamicin sulfate (ophth) OINT ... 59
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM ..... 53	galantamine hydrobromide CP24 .. 61	gentamicin sulfate (ophth) SOLN .. 59
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE	galantamine hydrobromide SOLN . 61	gentamicin sulfate (topical) CREA .38
MONITORING SYSTEM ..... 53	galantamine hydrobromide TABS . 61	gentamicin sulfate (topical) OINT .. 38
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML ..... 2
		GENVOYA ..... 31
		GILOTRIF ..... 25
		glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 62

glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 62	griseofulvin microsize SUSP .....18	HUMATROPE CART IJ .....45
GLEOSTINE 10 MG .....24	griseofulvin microsize TABS .....18	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML .....3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....24	griseofulvin ultramicrosize .....18	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .3
glimepiride 1 MG, 2 MG .....17	guanfacine hcl (adhd) .....1	HUMIRA PEN AJKT .....3
glimepiride 4 MG .....17	guanfacine hcl .....20	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT .....3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....17	GYNAZOLE-1 .....68	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT .....3
glipizide TB24 .....17	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ .....3	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT .....3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....15	HADLIMA SOSY .....3	HUMIRA PSKT .....3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....15	HAEGARDA SOLR SC .....48	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC .....16
GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....43	HALAVEN (eribulin mesylate) ....28	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC .....16
glucagon (rdna) .....16	halcinonide CREA .....41	HYCAMTIN CAPS .....28
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....17	halobetasol propionate CREA .....41	hydralazine hcl SOLN .....21
glyburide TABS .....17	halobetasol propionate OINT .....41	hydralazine hcl TABS .....21
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....15	HALOG OINT .....41	hydrochlorothiazide CAPS .....44
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....15	haloperidol decanoate .....29	hydrochlorothiazide TABS .....44
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..47	haloperidol lactate CONC .....29	hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER .37
glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....64	haloperidol lactate SOLN .....29	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML .....6
glycopyrrolate TABS 1 MG .....64	haloperidol TABS .....29	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML .....6
glycopyrrolate TABS 2 MG .....64	HAVRIX .....67	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG .....6
GLYXAMBI .....15	HEALON PRO SOSY .....59	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325
GNP PRENATAL TABS .....56	HEMANGEOL SOLN OR .....32	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....43	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....11	
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	
granisetron hcl TABS .....17	HEPLISAV-B SOSY .....67	
GRASTEK SUBL .....2	HIBERIX SOLR IJ .....65	
	HIZENTRA SOLN .....60	
	HIZENTRA SOSY 10 GM/50ML ...60	

MG-7.5 MG .....	6	23	IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	26
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG .....	6	23	IMBRUVICA SUSP .....	26
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG .....	7	23	IMBRUVICA TABS .....	26
hydrocortisone (intrarectal) .....	7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG	imipenem-cilastatin IV .....	22
hydrocortisone (rectal) EX .....	7	23	imipramine hcl TABS .....	15
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % .....	41	hydroxyurea .....	imipramine pamoate .....	15
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	41	28	imiquimod 5 % .....	42
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....	41	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	IMPAVIDO .....	21
hydrocortisone acetate (rectal) .....	7	8	INCRELEX .....	45
hydrocortisone butyrate CREA .....	41	hydroxyzine hcl SYRP .....	INCRUSE ELLIPTA .....	9
hydrocortisone butyrate OINT .....	41	8	indapamide TABS 1.25 MG .....	44
hydrocortisone butyrate SOLN .....	41	hydroxyzine hcl TABS .....	indapamide TABS 2.5 MG .....	44
hydrocortisone sod succinate 100 MG .....	36	hydroxyzine pamoate CAPS .....	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	
hydrocortisone TABS .....	36	8	indomethacin CPR .....	4
hydrocortisone vaginal .....	69	HYPERSAL NEBU .....	INFANRIX .....	64
hydrocortisone valerate CREA .....	41	37	INFLECTRA SOLR .....	47
hydrocortisone valerate OINT .....	41	HYQVIA .....	INGREZZA CAPS .....	62
hydrocortisone w/acetic acid .....	60	60	INGREZZA CPPK .....	62
hydromorphone hcl LIQD .....	5	ibandronate sodium SOLN .....	INGREZZA CPSP .....	62
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5	44	INLYTA .....	24
5		ibandronate sodium TABS .....	INREBIC .....	27
hydromorphone hcl TABS .....	5	44	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	IBRANCE CAPS .....	16	
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG .....	5	26	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16
hydroxychloroquine sulfate 100 MG		IBRANCE TABS .....	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN .....	16
		26	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP .....	16
		ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....	INSULIN ASPART SOLN IJ .....	16
		4		
		ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG .....		
		4		
		icatibant acetate SOLN .....		
		48		
		icatibant acetate SOSY .....		
		48		
		ICLUSIG .....		
		26		
		icosapent ethyl 1 GM .....		
		19		
		idarubicin hcl 20 MG/20ML .....		
		26		
		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....		
		26		
		IDELVION .....		
		48		
		ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....		
		24		
		ifosfamide SOLR .....		
		24		
		imatinib mesylate .....		
		26		
		IMBRUVICA CAPS 140 MG .....		
		26		



INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....	16	isosorbide mononitrate TABS .....	8	KESIMPTA .....	62
INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	16	isosorbide mononitrate TB24 .....	8	ketoconazole (topical) CREA .....	38
INTELENCE 25 MG .....	31	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	37	ketoconazole (topical) SHAM 2 % ..	38
INTRAROSA .....	68	isradipine CAPS .....	33	ketoconazole .....	18
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	54	itraconazole CAPS .....	18	KETONE STRP .....	43
IOPIDINE .....	59	itraconazole SOLN .....	18	KETONE TEST STRIPS STRP ...	43
IPOL INACTIVATED IPV .....	67	ivabradine hcl TABS .....	34	ketoprofen CAPS 50 MG .....	4
ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58		ivermectin (pediculicide) .....	42	ketorolac tromethamine (ophth) ...	60
ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58		ivermectin .....	8	ketorolac tromethamine TABS .....	4
ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	IXEMPRA KIT 15 MG .....	28	KETOSTIX STRP .....	43
ipratropium-albuterol SOLN .....	10	JAKAFI 10 MG, 20 MG .....	27	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60	
irbesartan .....	20	JAKAFI 5 MG, 15 MG, 25 MG ....	27	KEVZARA SOAJ .....	3
irbesartan-hydrochlorothiazide ...	21	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	67	KEVZARA SOSY .....	4
IRESSA (gefitinib) .....	25	JANUMET TABS .....	15	KIMONO COLORS DEVI .....	51
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....	28	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	15	KIMONO LUBRICATED MISC ....	51
irrigation solutions, physiological ..	56	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....	51
ISENTRESS CHEW .....	31	JANUVIA .....	16	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	51
ISENTRESS HD TABS .....	31	JARDIANCE .....	17	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	51
ISENTRESS TABS .....	31	JEVTANA .....	28	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	51
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	54	JIVI .....	48	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	51
ISOLYTE-S .....	54	JULUCA .....	31	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	51
isoniazid SOLN .....	23	JYNARQUE TBPK .....	46	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC .....	51
isoniazid SYRP .....	23	KALYDECO TABS .....	63	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	
isoniazid TABS .....	23	KAMELEON LUBRICATED MISC .	51		
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	8	KANJINTI .....	24		
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33		KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	54		
		KEPIVANCE 6.25 MG .....	28		

51		lactulose SOLN .....	50	leucovorin calcium SOLR .....	28
KIMONO SPECIAL DEVI .....	51	lamivudine (hbv) TABS .....	32	leucovorin calcium TABS .....	28
KINRIX SUSY .....	64	lamivudine SOLN .....	31	LEUKERAN .....	24
KISQALI .....	27	lamivudine TABS 150 MG .....	31	LEUKINE SOLR IJ .....	49
KISQALI FEMARA 200 DOSE ....	26	lamivudine TABS 300 MG .....	31	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25
KISQALI FEMARA 400 DOSE ....	26	lamivudine-zidovudine .....	31	.....	
KISQALI FEMARA 600 DOSE ....	26	lamotrigine CHEW 25 MG .....	12	levalbuterol hcl .....	10
KLARITY-A .....	59	lamotrigine CHEW 5 MG .....	12	levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ...	10
KOGENATE FS KIT .....	48	lamotrigine TABS .....	12	levalbuterol tartrate .....	10
KOSELUGO .....	27	lamotrigine TBP .....	12	LEVEMIR FLEXPEN SOPN .....	16
KOVALTRY .....	48	LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	33	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ....	16
KP PRENATAL MULTIVITAMINS		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125		LEVEMIR SOLN .....	16
TABS .....	56	MCG, 250 MCG (digoxin) .....	33	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	12
KRINTAFEL .....	23	lansoprazole CPDR 15 MG .....	65	12	
K-Y ME & YOU EXTRA		lansoprazole CPDR 30 MG .....	65	levetiracetam TABS 1000 MG .....	12
LUBRICATED DEVI .....	51	lanthanum carbonate CHEW .....	47	levetiracetam TABS 250 MG, 750	12
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	51	lapatinib ditosylate .....	27	MG .....	12
KYPROLIS .....	27	LASTACFT .....	60	levetiracetam TABS 500 MG .....	12
labetalol hcl SOLN .....	32	latanoprost SOLN .....	60	levetiracetam TB24 .....	12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	32	leflunomide .....	4	levobunolol hcl 0.5 % .....	58
labetalol hcl TABS 300 MG .....	32	lenalidomide .....	55	levocetirizine dihydrochloride SOLN	19
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .	12	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...	24	levocetirizine dihydrochloride TABS	19
lacosamide TABS .....	12	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin (ophth) 0.5 % .....	59
lactated ringer's (irrigation) .....	56	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin in d5w 5 %-500	46
lactated ringer's .....	54	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...	24	MG/100ML .....	46
lactic acid (ammonium lactate) CREA	42	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin SOLN OR .....	46
.....		LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin TABS .....	46
lactic acid (ammonium lactate) LOTN	42	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE ...	24	levonorgestrel & eth estradiol TABS	35
12 % .....	42	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE ...	24	35	
lactulose (encephalopathy) .....	47	letrozole .....	25	levonorgestrel (emergency oc) 1.5	36
				MG .....	

levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) .....	35	lithium .....	29	loxapine succinate .....	29
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG .....	35	lithium carbonate CAPS .....	29	lubiprostone .....	47
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) .....	35	lithium carbonate TABS .....	29	LUCEMYRA (lofexidine hcl) .....	61
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35		lithium carbonate TBCR .....	29	luliconazole .....	38
levorphanol tartrate TABS 2 MG ....	5	LO LOESTRIN FE TABS .....	35	LUMIZYME .....	45
levothyroxine sodium TABS .....	64	lofexidine hcl .....	61	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM .....	25
LEXIVA SUSP .....	31	LOKELMA .....	56	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM .....	25
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % .....	50	loperamide hcl CAPS .....	17	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	56	lopinavir-ritonavir SOLN .....	31	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	56	lopinavir-ritonavir TABS .....	31	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 45	
lidocaine hcl GEL 2 % .....	42	loratadine CAPS .....	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG .....	45
lidocaine hcl PRSY .....	42	loratadine CHEW .....	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG .....	45
lidocaine hcl SOLN .....	42	loratadine SOLN .....	19	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG .....	29
lidocaine PTCH 5 % .....	42	loratadine TABS .....	19	lurasidone hcl 80 MG .....	29
lidocaine-prilocaine CREA .....	42	loratadine TBDP .....	19	LYNPARZA TABS .....	27
lincomycin hcl .....	22	lorazepam CONC .....	8	LYSODREN .....	25
linezolid SUSR .....	22	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG ....	8	mafenide acetate PACK .....	40
linezolid TABS .....	22	lorazepam TABS 1 MG .....	8	magnesium sulfate IJ 50 % .....	55
LINZESS .....	47	LORBRENA .....	27	malathion .....	42
liothyronine sodium SOLN .....	64	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG .....	21	maraviroc TABS .....	31
liothyronine sodium TABS .....	64	losartan potassium .....	20	MARPLAN .....	13
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		LOTEMAX OINT .....	59	MASONATAL TABS .....	56
lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1		loteprednol etabonate GEL .....	59	MATULANE .....	28
lisinopril & hydrochlorothiazide ...	21	loteprednol etabonate SUSP .....	59	MAXIDEX SUSP OP .....	59
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	20	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MAXX LUBRICATED MISC .....	51
		lovastatin TABS 40 MG .....	19	MAXX PLUS SPERMICIDE	

LUBRICATED MISC .....	51	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5	MG .....	58
meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17		meprobamate .....	8	METHOTREXATE .....	3
meclofenamate sodium CAPS .....	4	mercaptapurine TABS .....	24	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....	24
MEDROL TABS .....	36	meropenem .....	22	methotrexate sodium SOLR .....	24
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	36	mesalamine CP24 .....	47	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	36	mesalamine CPDR .....	47	methoxsalen rapid .....	39
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG .....	61	mesalamine ENEM .....	47	methscopolamine bromide .....	64
mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine SUPP .....	47	methsuximide .....	13
mefloquine hcl .....	23	mesalamine TBEC 1.2 GM .....	47	methyldopa TABS .....	20
megestrol acetate (appetite) .....	61	mesalamine TBEC 800 MG .....	47	methylphenidate hcl CHEW 10 MG ..	2
megestrol acetate SUSP .....	25	metaxalone 800 MG .....	58	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG ..	2
megestrol acetate TABS .....	25	metformin hcl TABS 1000 MG .....	16	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	2
MEKINIST TABS .....	27	metformin hcl TABS 500 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG .....	2
MEKTOVI .....	27	metformin hcl TABS 850 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 40 MG .....	2
meloxicam TABS .....	4	metformin hcl TABS 850 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG .....	2
melphalan .....	24	metformin hcl TB24 500 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2
melphalan hcl IV .....	24	metformin hcl TB24 750 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 .....	2
memantine hcl TABS .....	61	methadone hcl CONC .....	5	methylphenidate hcl CP24 .....	2
memantine hcl TABS .....	62	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML ..	5	methylphenidate hcl CP24 .....	2
MENACTRA .....	65	METHADONE HCL SOLN IJ .....	5	methylphenidate hcl CPCR .....	2
MENEST .....	46	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML .....	5	methylphenidate hcl SOLN .....	2
MENOSTAR PTWK .....	46	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5		methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2
MENQUADFI .....	65	methadone hcl TABS 10 MG .....	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2
MENVEO SOLR .....	65	methadone hcl TABS 5 MG .....	5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG .....	2
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5	methadone hcl TBSO .....	5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2
meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5	methamphetamine hcl .....	1	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2
		methazolamide TABS .....	43	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2
		methenamine hippurate .....	22	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2
		methimazole TABS .....	64		
		methocarbamol TABS 500 MG, 750			

methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole vaginal .....	69	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY .	67
methylphenidate PTCH .....	2	mexiletine hcl .....	8	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ....	67
methylprednisolone acetate SUSP 36		micafungin sodium .....	18	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .	67
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	36	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG .....	69	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y SUSP .....	67
methylprednisolone TABS .....	36	midodrine hcl .....	69	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....	67
methylprednisolone TBPK .....	36	mifepristone .....	45	moexipril hcl .....	20
methyltestosterone TABS .....	7	miglitol .....	15	mometasone furoate (nasal) SUSP	58
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	47	miglustat .....	49	mometasone furoate CREA .....	41
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	47	minocycline hcl CAPS .....	63	mometasone furoate OINT .....	41
metoclopramide hcl TABS .....	47	minocycline hcl TABS .....	63	mometasone furoate SOLN .....	41
metolazone .....	44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....	21	montelukast sodium CHEW .....	9
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	21	MIRCERA .....	49	montelukast sodium PACK .....	9
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG .....	21	mirtazapine TABS 15 MG .....	13	montelukast sodium TABS .....	9
metoprolol succinate TB24 200 MG 32		mirtazapine TABS 30 MG .....	13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	5
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	32	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....	5
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....	32	mirtazapine TBDP 15 MG .....	13	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML .....	5
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	32	mirtazapine TBDP 30 MG .....	13	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML .....	5
metronidazole (topical) CREA .....	42	mirtazapine TBDP 45 MG .....	13	morphine sulfate TABS .....	6
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42		misoprostol .....	65	morphine sulfate TBCR .....	6
metronidazole (topical) GEL 1 % ..	42	mitomycin SOLR IV 20 MG .....	26	MOTOFEN .....	17
metronidazole (topical) LOTN .....	42	mitoxantrone hcl 2 MG/ML .....	26	MOVANTIK .....	47
metronidazole TABS .....	21	M-M-R II SOLR .....	67	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59
		M-NATAL PLUS TABS .....	56	moxifloxacin hcl in sodium chloride	46
		modafinil 100 MG .....	2		
		modafinil 200 MG .....	2		
		MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....	67		
		MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	67		

moxifloxacin hcl TABS .....	46	NATAZIA .....	35	nevirapine TABS .....	31
MOZOBIL (plerixafor) .....	49	nateglinide .....	16	nevirapine TB24 100 MG .....	31
MULPLETA .....	49	NAYZILAM .....	11	nevirapine TB24 400 MG .....	31
MULTI PRENATAL TABS .....	56	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) .....	65
mupirocin OINT .....	38	nebivolol hcl 20 MG .....	32	NEXLETOL .....	19
MVASI .....	24	NEBUSAL NEBU .....	37	NEXTSTELLIS .....	35
MYALEPT .....	45	nefazodone hcl .....	14	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	20
mycophenolate mofetil CAPS .....	56	nelarabine .....	24	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ....	69
mycophenolate mofetil TABS .....	56	neomycin sulfate TABS .....	2	niacin TABS .....	69
mycophenolate sodium .....	56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	niacin TBCR .....	69
MYLERAN TABS .....	24	neomycin-polymy-dexameth OINT	59	NIACIN TR TBCR .....	69
nabumetone .....	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	59	niacinamide TABS .....	69
nadolol TABS 20 MG .....	32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ..	59	nicardipine hcl CAPS .....	33
nadolol TABS 40 MG .....	32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	60	nicardipine hcl SOLN .....	33
nadolol TABS 80 MG .....	32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	60	nicotine MISC XX .....	63
nafcillin sodium IV 10 GM .....	61	NEONATAL COMPLETE TABS 120		nicotine polacrilex GUM .....	63
naftifine hcl CREA 1 % .....	38	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		nicotine polacrilex LOZG .....	63
naftifine hcl CREA 2 % .....	38	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	
NAGLAZYME .....	45	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		MG/24HR, 21 MG/24HR .....	63
nalbuphine hcl .....	7	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....	57	NICOTINE TRANSDERMAL	
naloxone hcl LIQD .....	17	NEONATAL PLUS TABS .....	57	SYSTEM KIT .....	63
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		NEONATAL PRENATAL VITAMIN		NICOTROL INHALER INHA .....	63
MG/10ML .....	17	TABS .....	57	NICOTROL NS SOLN .....	63
naltrexone hcl .....	17	NEONATAL VITAMIN TABS .....	57	nifedipine CAPS 10 MG .....	33
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	nifedipine CAPS 20 MG .....	33
naproxen SUSP .....	4	NEO-SYNALAR .....	38	nifedipine TB24 60 MG .....	33
naproxen TABS .....	4	NEUPRO .....	29	nifedipine TB24 90 MG .....	33
naproxen TBEC 500 MG .....	4	NEVANAC .....	60	nifedipine TB24 .....	33
naratriptan hcl .....	54	nevirapine SUSP .....	31	nilutamide .....	25
NATACYN .....	59			nimodipine CAPS .....	33

NINLARO .....	27	norethindrone acetate TABS .....	61	NOVOLIN R SOLN IJ .....	16
nisoldipine .....	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol .....	46	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nitazoxanide TABS .....	22	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe .....	35	NP THYROID 120 TABS .....	64
nitisinone CAPS .....	45	norethindrone-eth estradiol (triphasic) .....	35	NP THYROID 15 TABS .....	64
NITRO-BID OINT .....	8	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) .....	35	NP THYROID 30 TABS .....	64
nitrofurantoin .....	22	norgestimate-ethinyl estradiol .....	35	NP THYROID 60 TABS .....	64
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG .....	22	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG .....	35	NP THYROID 90 TABS .....	64
nitrofurantoin monohyd macro ....	22	NORMOSOL-M/D5W .....	54	NUBEQA .....	25
nitroglycerin (intra-anal) .....	7	NORMOSOL-R .....	54	NUCALA SOAJ .....	9
nitroglycerin CPR .....	8	nortriptyline hcl CAPS .....	15	NUCALA SOLR .....	9
nitroglycerin PT24 .....	8	nortriptyline hcl SOLN .....	15	NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	9
NITROGLYCERIN SOLN IV .....	8	NORVIR CAPS .....	31	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	9
nitroglycerin SUBL .....	8	NORVIR PACK .....	31	NUCYNTA ER TB12 .....	6
NIVA-PLUS TABS .....	57	NORVIR SOLN .....	31	NUCYNTA TABS .....	6
nizatidine CAPS .....	64	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS .....	43	NUEDEXTA .....	62
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML .....	45	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	68	NULOJIX .....	56
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML .....	45	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....	67	nystatin (mouth-throat) .....	56
norelgestromin-ethinyl estradiol ...	36	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY .....	67	nystatin (topical) CREA .....	38
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVOEIGHT .....	48	nystatin (topical) OINT .....	38
norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	nystatin (topical) POWD EX .....	39
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG .....	35	NOVOLIN 70/30 SUSP .....	16	nystatin-triamcinolone CREA .....	39
norethindrone & eth estradiol .....	35	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	16	nystatin-triamcinolone OINT .....	39
norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN N SUSP .....	16	NYVEPRIA .....	49
norethindrone (contraceptive) .....	36	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	octreotide acetate KIT .....	46
norethindrone acet & eth estra TABS 35				octreotide acetate SOLN .....	46

ofloxacin (ophth) .....	59	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	17	oxaprozin TABS .....	4
ofloxacin (otic) .....	60	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	17	oxazepam CAPS .....	8
ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	46	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	17	OXBRYTA TABS 500 MG .....	49
OGIVRI .....	25	ondansetron TBDP 4 MG .....	17	oxcarbazepine SUSP .....	12
olanzapine SOLR .....	30	ondansetron TBDP 8 MG .....	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	12
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57	oxcarbazepine TABS 600 MG .....	12
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	57	oxiconazole nitrate CREA .....	39
olanzapine TBDP 20 MG .....	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE .....	53	OXISTAT LOTN .....	39
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G .....	53	oxybutynin chloride SOLN .....	65
olmesartan medoxomil .....	20	OPILL .....	36	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	65
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide .....	21	OPSUMIT .....	34	oxybutynin chloride TB24 .....	65
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	21	ORENITRAM TBCR .....	34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	6
olopatadine hcl (nasal) .....	58	ORGOVYX .....	25	oxycodone hcl TABS .....	6
olopatadine hcl 0.1 % .....	60	ORLISSA .....	44	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	7
olopatadine hcl 0.2 % .....	60	ORKAMBI PACK .....	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG .....	7
omega-3-acid ethyl esters .....	19	ORKAMBI TABS .....	63	oxymorphone hcl TABS .....	6
omeprazole CPDR .....	65	ORLADEYO .....	48	oxymorphone hcl TB12 40 MG .....	6
omeprazole magnesium CPDR ...	65	orphenadrine citrate TB12 .....	58	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6
omeprazole TBEC .....	65	oseltamivir phosphate CAPS .....	32	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	16
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	65	oseltamivir phosphate SUSR .....	32	OZEMPIC SOPN .....	16
OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	52	OSMOPREP .....	50	paclitaxel 150 MG/25ML .....	28
ONCASPAR .....	27	OSPHENA .....	45	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML 28	
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA TABS .....	4	paclitaxel protein-bound particles .	28
ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	17	OTEZLA TBPk .....	4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	29
ondansetron hcl SOSY .....	17	oxacillin sodium IV 10 GM .....	61	paliperidone 6 MG .....	29
		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....	24		
		oxandrolone .....	7		



palonosetron hcl SOLN .....	17	ascorbate-ascorbic acid .....	50	perphenazine-amitriptyline .....	62
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....	44	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....	50	PERSERIS PRSY .....	29
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44		peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	50	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP .....	68
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT .....	43	PEGASYS SOLN .....	32	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP .....	68
PANRETIN .....	39	PEGASYS SOSY .....	32	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68	
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65		PEMAZYRE .....	27	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 68	
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	68
paricalcitol CAPS .....	45	peniciclovir .....	40	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....	68
paricalcitol SOLN .....	45	penicillamine CAPS .....	55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....	68
paroxetine hcl SUSP .....	14	penicillamine TABS .....	55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP .....	68
paroxetine hcl TABS 10 MG .....	14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP .....	68
paroxetine hcl TABS 20 MG .....	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	68
paroxetine hcl TABS 30 MG .....	14	PENICILLIN G PROCAINE .....	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ...	68
paroxetine hcl TABS 40 MG .....	14	penicillin g sodium .....	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68
paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	14	penicillin v potassium SOLR .....	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68	
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....	14	penicillin v potassium TABS .....	61	PHEBURANE PLLT .....	45
PASER PACK .....	23	PENTACEL .....	64	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG .....	48
pazopanib hcl .....	27	pentazocine w/ naloxone hcl .....	7	phendimetrazine tartrate TABS .....	1
PEDIARIX SUSY .....	64	pentoxifylline .....	48	phenelzine sulfate .....	13
pediatric multivitamins w/fl CHEW .56		perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20		phenobarbital ELIX .....	50
PEDVAX HIB SUSP .....	65	perindopril erbumine 4 MG .....	20	phenobarbital TABS .....	50
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na		PERJETA .....	25		
		permethrin CREA .....	42		
		permethrin LIQD EX .....	42		
		perphenazine TABS .....	30		

phenoxybenzamine hcl .....	20	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148) .....	54	potassium chloride PACK OR 20 MEQ .....	55
phentermine hcl CAPS .....	1	PLEGRIDY SOAJ .....	62	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 55	
phenytoin CHEW .....	13	PLEGRIDY SOSY SC .....	62	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML .....	55
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 62		potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ .....	55
phenytoin sodium SOLN .....	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....	62	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS .....	55
PHEXXI .....	69	plerixafor .....	49	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) .....	55
PHOSLYRA SOLN .....	47	PNEUMOVAX 23 SOSY .....	65	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 47	
PHOTOFRIN .....	28	PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN . 65		potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML .....	55
PIFELTRO .....	31	podofilox SOLN .....	42	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	38
pilocarpine hcl (oral) .....	56	polymyxin b sulfate SOLR .....	22	pralatrexate 20 MG/ML .....	24
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 58		polymyxin b-trimethoprim .....	59	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	29
pimecrolimus .....	42	POMALYST .....	26	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	29
pimozide .....	63	posaconazole SUSP .....	18	prasugrel hcl .....	49
pindolol TABS .....	32	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55		pravastatin sodium .....	19
pioglitazone hcl .....	16	potassium bicarbonate TBEF .....	55	praziquantel .....	8
pioglitazone hcl-glimepiride .....	15	potassium chloride CPCR .....	55	prazosin hcl CAPS .....	20
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	55	PRECISION XTRA .....	43
piperacillin sodium-tazobactam sodium .....	61	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L .....	54	PRED MILD .....	59
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ... 27		potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 % .....	55	PRED-G SUSP .....	59
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ... 27		potassium chloride microencapsulated crystals er ....	55		
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ... 27					
pirfenidone CAPS .....	63				
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 63					
pirfenidone TABS 534 MG .....	63				
piroxicam CAPS .....	4				
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..54					

prednicarbate OINT .....	41	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	57	prochlorperazine .....	30
prednisolone acetate (ophth) .....	59	PRENATAL TABS .....	57	prochlorperazine maleate TABS ...	30
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	59	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS .....	57	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	49
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	36	PRENATAL VITAMIN TABS .....	57	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	49
prednisolone sodium phosphate TBDP .....	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	57	progesterone CAPS .....	61
prednisolone SOLN .....	36	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT .....	57	PROGRAF PACK .....	56
prednisolone TABS .....	36	PRENATRYL TABS .....	57	PROGRAF SOLN .....	56
prednisone SOLN .....	36	PREVNAR 13 .....	65	PROLASTIN-C SOLN .....	63
prednisone TABS .....	36	PREVNAR 20 .....	65	PROLEUKIN .....	28
prednisone TBPK .....	36	PREZCOBIX .....	31	PROLIA SOSY .....	44
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	62	PREZISTA SUSP .....	31	PROMACTA PACK .....	49
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	62	PREZISTA TABS (darunavir) .....	31	PROMACTA TABS .....	49
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG .....	31	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML .....	19
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir) .....	31	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	19
pregabalin SOLN .....	12	PRIFTIN .....	23	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19
PREHEVBRIO .....	68	primaquine phosphate TABS .....	23	promethazine hcl TABS .....	19
PREMARIN .....	69	primidone 50 MG, 250 MG .....	12	propafenone hcl CP12 .....	8
PREMARIN SOLR .....	46	PRIORIX SUSR .....	68	propafenone hcl TABS .....	8
PREMARIN TABS .....	46	probenecid .....	48	proparacaine hcl .....	59
PREMPHASE .....	46	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .		propranolol hcl CP24 .....	33
PREMPRO .....	46			propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	33
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57				propranolol hcl TABS .....	33
PRENATAL ONE DAILY TABS ...	57			propylthiouracil .....	64
PRENATAL PLUS TABS .....	57			PROQUAD SUSR .....	68
				protriptyline hcl .....	15
				PROVISC SOSY .....	59

PULMICORT FLEXHALER AEPB .. 9	QVAR REDIHALER ..... 9	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G .....53
PULMOZYME .....63	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....57	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....43
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....57	RA PRENATAL TABS ..... 57	RENFLEXIS .....47
pyrazinamide .....23	rabeprazole sodium TBEC .....65	repaglinide 0.5 MG, 1 MG ..... 17
pyridostigmine bromide SOLN OR 23	raloxifene hcl ..... 45	repaglinide 2 MG .....17
pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....23	ramelteon .....50	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT ..... 20
pyridostigmine bromide TBCR .....23	ramipril CAPS .....20	REPATHA SOSY ..... 20
pyrimethamine .....23	ranitidine hcl TABS 150 MG ..... 64	REPATHA SURECLICK SOAJ ....20
QC PRENATAL TABS .....57	ranolazine TB12 1000 MG ..... 8	RETACRIT ..... 49
QINLOCK .....27	ranolazine TB12 500 MG .....8	RETEVMO CAPS .....27
QUADRACEL SUSP .....64	rasagiline mesylate .....29	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..31
QUADRACEL SUSY .....64	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..52	REXULTI ..... 30
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG ..... 30	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....52	ribavirin (hepatitis c) CAPS .....32
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....30	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 32
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....30	REBIF REBIDOSE SOAJ .....62	RIDAURA .....3
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....30	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....62	rifabutin .....23
quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....20	REBIF SOSY .....62	rifampin CAPS ..... 23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..62	rifampin SOLR ..... 23
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....21	RECOMBIVAX HB SUSP .....68	riluzole TABS .....58
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....21	RECOMBIVAX HB SUSY .....68	rimantadine hydrochloride TABS ..32
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .7	ringer's .....55
quinidine sulfate TABS .....8	REGRANEX .....42	ringer's irrigation .....56
quinine sulfate CAPS 324 MG .....23	RELENZA DISKHALER .....32	RINVOQ LQ SOLN .....3
QUZYTIR SOLN IV .....19	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G .....53	RINVOQ TB24 .....3
	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G .....53	risedronate sodium TABS 150 MG 44
		risedronate sodium TABS 35 MG .44
		risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG ..... 44

risedronate sodium TBEC	44	RUXIENCE	24	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	14
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	29	RYBELSUS TABS	16	sevelamer carbonate PACK	47
risperidone microspheres	29	salsalate	5	sevelamer carbonate TABS	47
risperidone SOLN	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate)	46	SHINGRIX	68
risperidone TABS	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	46	SIGNIFOR	46
risperidone TBDP	29	SANTYL OINT	42	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	34
ritonavir TABS	31	sapropterin dihydrochloride PACK	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	34
rivastigmine tartrate CAPS	62	sapropterin dihydrochloride TABS	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	34
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	54	SAVELLA TABS	62	sildenafil citrate	33
rizatriptan benzoate TABS 5 MG	54	SAVELLA TITRATION PACK MISC	62	silodosin	48
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	54	saxagliptin hcl	16	silver sulfadiazine	40
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG	15	SIMPONI ARIA SOLN	3
roflumilast	9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	SIMULECT	56
romidepsin SOLR	27	SCEMBLIX 100 MG	27	simvastatin TABS	20
ropinirole hydrochloride TABS	29	SCEMBLIX 20 MG	27	sirolimus TABS	56
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	29	SCEMBLIX 40 MG	27	SIRTURO	23
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	29	scopolamine	17	SIVEXTRO TABS	22
rosuvastatin calcium TABS	19	SELECT INSULIN SYRINGES	53	SKYRIZI PEN SOAJ	39
ROTARIX SUSP	68	SELECT LANCETS	53	SKYRIZI SOCT	47
ROTARIX SUSR	68	selegiline hcl CAPS	29	SKYRIZI SOLN	47
ROTATEQ SOLN	68	selegiline hcl TABS	29	SKYRIZI SOSY	39
ROZLYTREK CAPS	27	selenium sulfide LOTN 2.5 %	40	SLO-NIACIN TBCR 500 MG, 750 MG (niacin)	69
RUBRACA	27	SELZENTRY SOLN	31	SLYND	36
RUCONEST	48	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	31	SM PRENATAL VITAMINS TABS	57
rufinamide SUSP	12	SEREVENT DISKUS	10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	54
rufinamide TABS 200 MG	12	sertraline hcl CONC	14	sodium acetate SOLN	54
rufinamide TABS 400 MG	12	sertraline hcl TABS 100 MG	14		
RUKOBIA	31				

sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	47	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	33	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SOVALDI TABS	32	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium citrate & citric acid	47	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	68	sucralfate SUSP	64
sodium phenylbutyrate POWD	45	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68	sucralfate TABS	64
sodium phenylbutyrate TABS	45	spinosad	42	sulconazole nitrate CREA	39
sodium polystyrene sulfonate POWD 56		SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)	9	sulconazole nitrate SOLN	39
sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulfacetamide sodium (acne)	38
sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	50	spironolactone & hydrochlorothiazide	43	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	59
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	32	spironolactone TABS	44	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38
solifenacin succinate TABS	65	SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38
SOLQUA 100/33	15	SPRAVATO 84MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38
SOLOSEC	2	SPRYCEL (dasatinib)	27	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	stannous fluoride CONC	56	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	59
SOLU-CORTEF 250 MG	36	stavudine CAPS	31	sulfadiazine TABS	63
SOLU-MEDROL 2 GM	36	STELARA 130 MG/26ML	47	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG 44		STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	39	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21
sorafenib tosylate	27	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	39	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	22
SORBITOL 3 %	47	STELARA SOSY 90 MG/ML	39	SULFAMYLON CREA	40
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	47	STIOLTO RESPIMAT	10	sulfasalazine TABS	47
sotalol hcl (afib/afib)	33	STIVARGA	27	sulfasalazine TBEC	47
sotalol hcl TABS 240 MG	33	STRENSIQ	45	sulindac TABS	4
		streptomycin sulfate SOLR	2		
		STRIBILD	31		

sumatriptan .....	54	TAKHZYRO SOLN .....	48	terconazole vaginal CREA .....	69
sumatriptan succinate SOAJ .....	54	TAKHZYRO SOSY .....	48	terconazole vaginal SUPP .....	69
sumatriptan succinate SOCT .....	54	TALZENNA .....	27	teriflunomide .....	62
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....	54	tamoxifen citrate TABS .....	25	TERIPARATIDE SOPN .....	44
sumatriptan succinate TABS .....	54	tamsulosin hcl .....	48	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
sumatriptan-naproxen sodium .....	53	TASIGNA .....	27	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....	27	tavaborole .....	39	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP .....	64
sunitinib malate 37.5 MG .....	27	TAVALISSE .....	48	tetrabenazine .....	62
SUNOSI 150 MG .....	1	tazarotene CREA 0.1 % .....	40	tetracycline hcl CAPS .....	63
SUNOSI 75 MG .....	1	TAZVERIK .....	27	THALOMID .....	55
SYNAREL .....	45	TDVAX SUSP .....	64	theophylline ELIX .....	10
SYNERA PTCH .....	42	TEFLARO .....	35	theophylline SOLN .....	10
SYNJARDY TABS .....	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		theophylline TB12 .....	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline TB24 .....	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....	15	TEGSEDI .....	63	THERANATAL CORE NUTRITION TABS .....	57
SYNRIBO .....	28	telmisartan .....	20	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin) .....	48
TABLOID .....	24	telmisartan-amlodipine .....	21	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin) .....	48
TABRECTA .....	27	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	21	thioridazine hcl .....	30
tacrolimus (topical) OINT .....	42	temazepam .....	50	thiotepa 15 MG .....	24
tacrolimus CAPS .....	56	TEMODAR SOLR .....	24	thiothixene .....	30
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS .....	34	temozolomide CAPS .....	24	THYMOGLOBULIN .....	56
tadalafil 5 MG .....	33	temsirolimus .....	27	THYROGEN 0.9 MG .....	43
TAFINLAR CAPS .....	27	TENIVAC INJ .....	64	tiagabine hcl .....	13
tafluprost .....	60	tenofovir disoproxil fumarate TABS 31		TIBSOVO .....	27
TAGRISSO 40 MG .....	25	terazosin hcl .....	20	tigecycline .....	63
TAGRISSO 80 MG .....	25	terbutaline sulfate SOLN .....	10	timolol maleate (ophth) SOLG .....	58
		terbutaline sulfate TABS .....	10	timolol maleate (ophth) SOLN .....	58





TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .15	TRULICITY .....16	TWINRIX SUSY .....68
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....15	TRUMENBA .....65	TWIRLA .....36
TRIKAFTA TBPK .....63	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC .....52	TYBLUME CHEW .....35
trimethobenzamide hcl CAPS .....18	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC .....52	TYBOST .....31
trimethoprim TABS .....21	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC .....52	TYMLOS .....44
trimipramine maleate CAPS .....15	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...52	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...34
TRINTELLIX .....14	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC .....52	TYVASO SOLN IN .....34
TRIUMEQ TABS .....31	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC .....52	TYVASO STARTER KIT SOLN IN 34
TRIZIVIR .....31	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC .....52	UBRELVY .....53
TROJAN MAGNUM MISC .....52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 52	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .7
TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC .....52	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC .....52	UDENYCA ONBODY SOSY .....49
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC .....52	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC .....52	UDENYCA SOAJ .....49
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 52	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .52	UDENYCA SOSY .....49
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC .....52	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC .....52	UPTRAVI TABS 200 MCG .....34
tropicamide SOLN 0.5 % .....58	TRUXIMA .....24	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG .....34
tropicamide SOLN 1 % .....58	TUKYSA .....25	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 34
tropium chloride CP24 .....65	TURALIO .....27	ursodiol CAPS .....46
tropium chloride TABS .....65	TUZISTRA XR .....37	ursodiol TABS .....46
TRUE COVER DEVI .....52		UVADEX .....28
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..43		valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...32
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....53		valacyclovir hcl 500 MG .....32
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP 43		valganciclovir hcl TABS .....31
TRUETRACK TEST STRP .....43		valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML .....13

VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ....11	VEREGEN .....38	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....52
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11	VERZENIO .....27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....52
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11	VICTOZA (liraglutide) .....16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....52
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD .....11	vigabatrin PACK .....13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....52
vancomycin hcl CAPS .....22	vigabatrin TABS .....13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....52
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG .....22	VIIBRYD STARTER PACK KIT ....14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....52
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .22	vilazodone hcl TABS .....14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....52
VAQTA .....68	vincristine sulfate .....28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....52
varenicline tartrate TABS .....63	vinorelbine tartrate 10 MG/ML ....28	XALKORI CAPS .....27
varenicline tartrate TBPK .....63	VIRACEPT TABS 250 MG .....31	XARELTO STARTER PACK TBPK 10
VARIVAX SUSR .....68	VIRACEPT TABS 625 MG .....31	XARELTO SUSR .....11
VARUBI TBPK .....18	VIREAD POWD .....31	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..11
VAXNEUVANCE .....65	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....31	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..11
VECAMYL .....21	VISTOGARD .....17	XELJANZ SOLN .....3
VECTIBIX 100 MG/5ML .....25	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....69	XELJANZ TABS .....3
VELPHORO .....47	VITATHELY/GINGER TABS .....57	XELJANZ XR TB24 .....3
venlafaxine hcl CP24 150 MG .....14	VITRAKVI CAPS .....27	XEOMIN .....58
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG ....14	VITRAKVI SOLN .....27	XERAVA .....63
venlafaxine hcl CP24 75 MG .....14	VIZIMPRO .....25	XGEVA SOLN .....44
venlafaxine hcl TABS .....14	VORAXAZE .....28	XHANCE EXHU .....58
venlafaxine hcl TB24 150 MG .....15	voriconazole TABS .....18	XIFAXAN .....21
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG .....14	VOSEVI .....32	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....15
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG .....33	VOTRIENT (pazopanib hcl) .....27	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....16
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG .....33	VYNDAMAX .....34	
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...33	VYNDALAN .....34	
verapamil hcl TABS .....33	VYVANSE CAPS .....1	
verapamil hcl TBCR .....33	warfarin sodium TABS .....10	
	water for irrigation, sterile .....56	
	WESTAB PLUS TABS .....57	

XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	15	ZARXIO .....	49	zolpidem tartrate TBCR .....	50
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	ZEJULA CAPS .....	27	zonisamide CAPS .....	13
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9	ZEJULA TABS 100 MG .....	27	ZONTIVITY .....	49
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML .....	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27	ZORBTIVE SC .....	45
XOLAIR SOLR .....	9	ZELBORAF .....	27	ZYDELIG .....	27
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	43	ZYLET .....	59
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	9	ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT .....	43	ZYRTEC ALLERGY TABS (cetirizine hcl) .....	19
XOSPATA .....	27	zidovudine CAPS .....	31		
XPOVIO .....	26	zidovudine SYRP .....	31		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26		zidovudine TABS .....	31		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26		ZIEXTENZO .....	49		
XTAMPZA ER .....	6	zileuton TB12 .....	9		
XTANDI CAPS .....	25	ziprasidone hcl .....	29		
XTANDI TABS 40 MG .....	25	ZIRABEV .....	24		
XTANDI TABS 80 MG .....	25	ZIRGAN GEL .....	59		
XULTOPHY 100/3.6 .....	16	ZOLADEX 10.8 MG .....	25		
XYNTHA .....	48	ZOLADEX 3.6 MG .....	25		
XYNTHA SOLOFUSE .....	48	zoledronic acid CONC .....	44		
YERVOY .....	24	zoledronic acid SOLN .....	44		
YONSA .....	25	ZOLINZA .....	27		
zafirlukast .....	9	zolmitriptan SOLN .....	54		
zaleplon 10 MG .....	50	zolmitriptan TABS .....	54		
zaleplon 5 MG .....	50	zolmitriptan TBDP .....	54		
ZALTRAP 100 MG/4ML .....	24	zolpidem tartrate TABS .....	50		
ZANOSAR .....	24				
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13				

Ambetter Health of New Jersey is underwritten by WellCare Health Insurance Company of New Jersey, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the New Jersey Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance.  
© 2023 WellCare Health Insurance Company of New Jersey, Inc. All rights reserved.